

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÂM HỢP NHẤT
-----o0o-----



Tài liệu giới thiệu

**HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
VÀ PHẦN MỀM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CHUYÊN NGÀNH CẤP HUYỆN
UNIDISTRICT**



Đà Nẵng, 2021

MỤC LỤC

I.	GIỚI THIỆU	1
I.1.	Mục tiêu của phần mềm	1
I.2.	Chức năng nghiệp vụ.....	1
I.3.	Kiến trúc tổng thể	4
I.4.	Mô hình triển khai	5
I.5.	Điểm mạnh của hệ thống.....	6
I.6.	Thành quả đạt được	7
II.	ĐẶC TẢ PHẦN MỀM	5
II.1.	Phòng Văn hóa Thông tin.....	5
II.2.	Phòng Y tế	12
II.3.	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.....	17
II.4.	Phòng Tài chính – Kế hoạch	25
II.5.	Phòng Kinh tế.....	27
II.6.	Phòng Quản lý đô thị.....	31
II.7.	Phòng Nội vụ.....	32
II.8.	Phòng Nội vụ.....	33
II.9.	Phòng Tư pháp	33
II.10.	Phòng Giáo dục – Đào tạo	34
II.11.	Phòng Tài nguyên – Môi trường.....	35
II.12.	Ban Quản lý chợ.....	36
II.13.	Hội đồng nhân dân	36
II.14.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	36
II.15.	Quản trị hệ thống.....	37
III.	GIỚI THIỆU VỀ UNITECH	41

I. GIỚI THIỆU

I.1. Mục tiêu của phần mềm

- ✓ Tạo lập cơ sở dữ liệu và các ứng dụng quản lý chuyên ngành tất cả các lĩnh vực cấp Huyện một cách tập trung, nhất quán
- ✓ Hỗ trợ công tác quản lý, tra cứu, kế thừa, chia sẻ thông tin giữa các phòng quản lý nhà nước khi thực hiện xử lý công việc chuyên ngành.
- ✓ Tích hợp với các hệ thống chuyên ngành của Bộ, của tỉnh đã triển khai để kế thừa dữ liệu đã có
- ✓ Góp phần vào công cuộc chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước cấp Huyện

I.2. Chức năng nghiệp vụ

- ✓ Xây dựng kho dữ liệu và các ứng dụng quản lý chuyên ngành của từng lĩnh vực của từng phòng ban chuyên môn tạo thành một hệ thống tổng thể là Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành cấp Huyện



Hình 1: Hệ thống chức năng nghiệp vụ

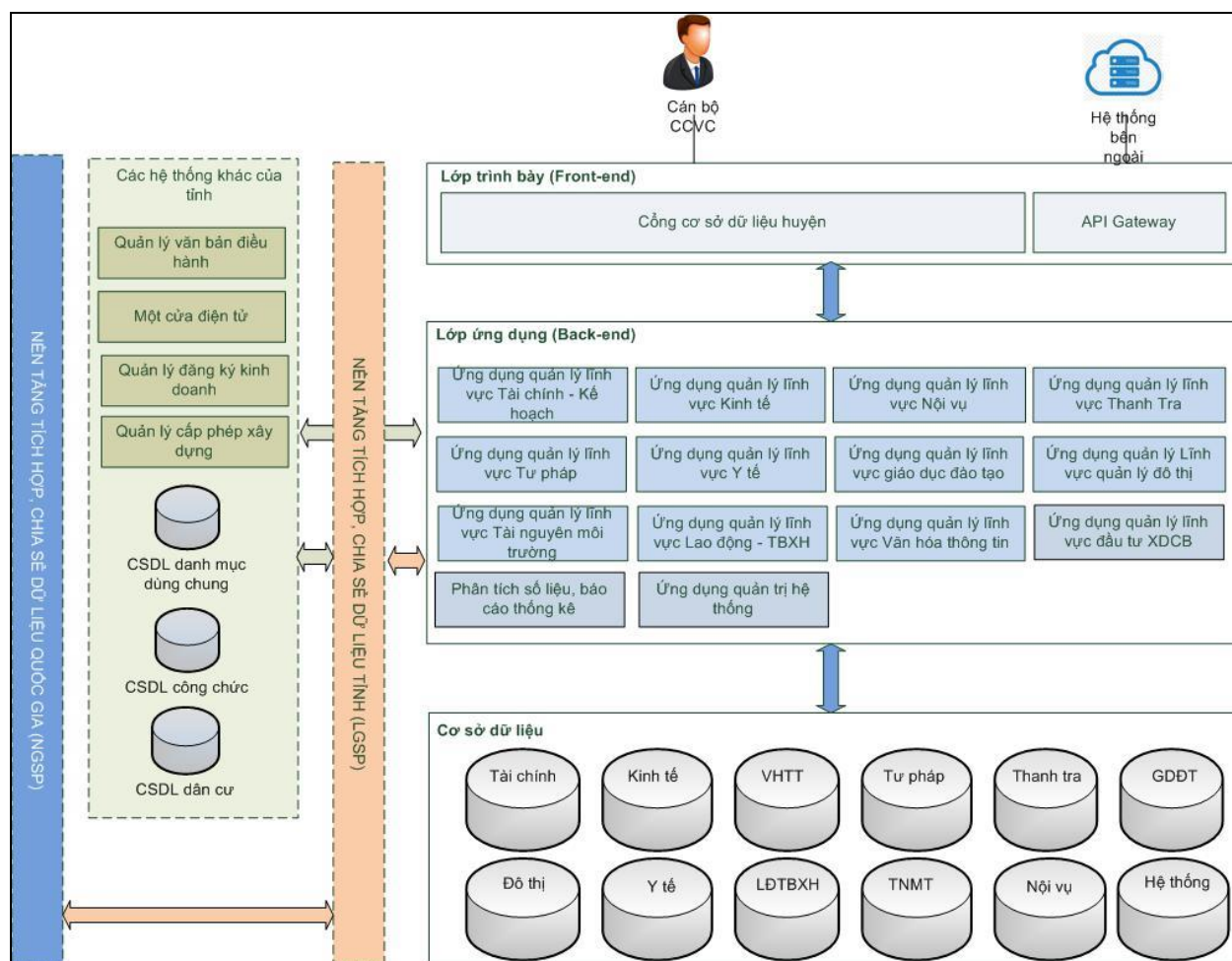
Danh sách chức năng nghiệp vụ:

STT	Phòng ban/ Đơn vị	Chức năng nghiệp vụ
1	Phòng Y tế	Quản lý thông tin dịch, bệnh
2		Quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh

STT	Phòng ban/ Đơn vị	Chức năng nghiệp vụ
		doanh dịch vụ ăn uống
3		Quản lý hành nghề y, dược tư nhân, thẩm mỹ viện, mỹ phẩm
4	Phòng Nội vụ	Quản lý thông tin hoạt động các cơ sở tôn giáo
5		Quản lý thông tin tổ dân phố
6	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
7	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý điều dưỡng người có công
8		Quản lý sửa chữa nhà cho người có công
9		Quản lý cấp thẻ BHYT cho người có công
10		Quản lý lao động có việc làm
11		Quản lý đào tạo nghề miễn phí
12		Quản lý thang lương, bảng lương của doanh nghiệp
13		Quản lý vi phạm về chính sách pháp luật tại nơi làm việc
14		Quản lý công tác giảm nghèo: Sửa chữa nhà ở
15		Quản lý công tác giảm nghèo: BHYT
16		Quản lý công tác giảm nghèo: miễn giảm học phí
17		Quản lý công tác giảm nghèo: hỗ trợ tiền điện
18		Quản lý đối tượng liên quan đến ma túy (sau cai)
19		Quản lý đối tượng đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc
20		Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội: Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng và Chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng
21		Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội: Trợ giúp xã hội đột xuất
22		Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội: Chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH và nhà xã hội
23	Phòng Tư pháp	Quản lý phổ biến, giáo dục pháp luật
24		Quản lý chuẩn tiếp cận pháp luật
25	Phòng Văn hóa – Thông tin	Quản lý các danh hiệu văn hóa, văn minh đô thị
26		Quản lý thông tin thiết chế văn hóa
27		Quản lý dịch vụ văn hóa – thông tin
28		Quản lý thông tin về gia đình
29	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Quy trình quản lý việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường

STT	Phòng ban/ Đơn vị	Chức năng nghiệp vụ
30		Quy trình quản lý tuyên truyền bảo vệ môi trường
31		Quy trình quản lý xác nhận hồ sơ môi trường
32		Quy trình quản lý kế hoạch sử dụng đất
33	Phòng Kinh tế	Quản lý tàu cá
34		Quản lý tổ đoàn kết sản xuất trên biển
35		Quản lý công tác khuyến ngư
36		Quản lý ATTP ngành Nông nghiệp
37		Quản lý ATTP ngành Công thương
38		Quản lý thương mại trong và ngoài chợ
39		Quản lý hoạt động sáng kiến cấp cơ sở
40		Quản lý cấp phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
41		Quản lý cấp phép kinh doanh bán rượu tiêu dùng tại chỗ
42		Quản lý cấp phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá
43		Quản lý kinh doanh nhà hàng quán ăn
44		Quản lý dữ liệu công nghiệp và tiểu thủ CN
45		Quản lý kinh doanh ga
46	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Quản lý văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở
47	Phòng Quản lý Đô thị	Quản lý hạ tầng kỹ thuật
48		Quản lý cấp phép xây dựng
49	Trung tâm Văn hóa – Thể thao	Quản lý chấm điểm thi đua VHVN, TDDT cấp phường
50	Hội đồng nhân dân	Quản lý nội dung các chương trình giám sát hàng năm của HĐND Huyện
51	Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng cơ bản	Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản (quản lý tình hình thực hiện dự án)
52	Đội Quy tắc đô thị	Quản lý trật tự đô thị, xây dựng
53	Ban Quản lý chợ	Quản lý chung tại chợ, Quản lý xây dựng cơ bản, Quản lý PCCC

I.3. Kiến trúc tổng thể



Hình 2: Mô hình kiến trúc tổng thể

Diễn giải:

Hệ thống gồm ba lớp: lớp trình bày, lớp ứng dụng và lớp cơ sở dữ liệu.

- **Lớp trình bày:** cung cấp giao diện tương tác với người dùng với việc xây dựng cổng truy cập duy nhất dành cho cán bộ CCVC của Huyện.

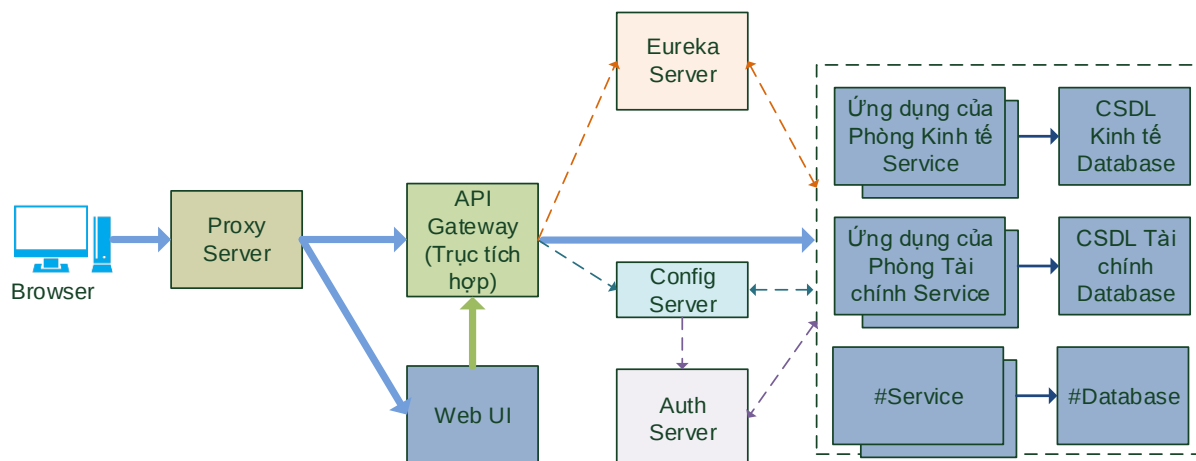
- **Lớp ứng dụng:** cung cấp đầy đủ các chức năng quản lý nghiệp vụ, dữ liệu cho người dùng thông qua lớp trình bày.

a) Để tránh việc nhập lại dữ liệu giống nhau ở nhiều phần mềm, Hệ thống Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành tại Huyện tích hợp, đồng bộ và khai thác dữ liệu từ các hệ thống sau:

- Tích hợp với hệ thống một cửa điện tử: khai thác thông tin hồ sơ và kết quả xử lý hồ sơ.
- Tích hợp với hệ thống quản lý văn bản và điều hành: khai thác thông tin thuộc tính văn bản.
- Tích hợp, đồng bộ, khai thác dữ liệu các hệ thống: Ứng dụng đăng ký kinh doanh; Ứng dụng cấp phép xây dựng; Ứng dụng cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm;...
- Khai thác các dữ liệu của công chức, dân cư, doanh nghiệp.

b) Hệ thống được xây dựng dựa trên kiến trúc hướng dịch vụ (microservice). Các chức năng được viết ở backend đều được cung cấp ra ngoài thông qua API Gateway. Vì vậy các hệ thống ngoài hoàn toàn có thể sử dụng được (nếu được cấp quyền).

I.4. Mô hình triển khai



Hình 3: Mô hình kiến trúc triển khai tổng thể hệ thống

Diễn giải:

Các thành phần của hệ thống bao gồm:

- ✓ Proxy server: là máy chủ dùng để định tuyến truy cập từ bên ngoài vào hệ thống.
- ✓ Web UI: là phần giao diện của phần mềm QLNN (Front-end).
- ✓ API Gateway (Trục tích hợp): là ứng dụng trục tích hợp với điểm truy cập từ bên ngoài đến các dịch vụ của các ứng dụng trong hệ thống.
- ✓ Config Server: là máy chủ để quản lý các cấu hình của các ứng dụng service.
- ✓ Eureka Server: là máy chủ ứng dụng dùng để đăng ký service của các ứng dụng.
- ✓ Auth Server: là máy chủ ứng dụng xác thực truy cập đến các ứng dụng service và được tích hợp với máy chủ xác thực đăng nhập tập trung của hệ thống eGov.
- ✓ Các ứng dụng QLNN service: là máy chủ ứng dụng service. Gồm các ứng dụng QLNN được triển khai.

- ✓ Các database: là máy chủ CSDL của các ứng dụng QLNN.

I.5. Điểm mạnh của hệ thống

- ✓ Tạo lập được cơ sở dữ liệu và các ứng dụng quản lý chuyên ngành tập trung, nhất quán của địa phương. Từ đó giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực trong việc xây dựng, quản lý, tổng hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành của cơ quan quản lý cấp huyện.
- ✓ Dữ liệu lưu trữ tập trung giúp cho việc khai thác, cập nhật dữ liệu nhanh chóng, đơn giản, đồng bộ, đạt hiệu quả cao.
- ✓ Từ cơ sở dữ liệu được tổng hợp trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ quản lý nhà nước cấp huyện, cho phép thực hiện thống kê, báo cáo số liệu đơn giản, thuận tiện, chính xác, nhanh chóng theo đúng các biểu mẫu đã được định nghĩa sẵn.
- ✓ Sẵn sàng tích hợp hoặc cung cấp chức năng đọc dữ liệu đối với các hệ thống CSDL ngoài có liên quan như: CSDL nền của eGov, CSDL công chức, CSDL doanh nghiệp, CSDL dân cư; các phần mềm dùng chung như một cửa điện tử, quản lý văn bản và điều hành,... của địa phương.
- ✓ Với giải pháp công nghệ được lựa chọn, khả năng đáp ứng hoàn toàn về mặt chức năng của hệ thống. Đồng thời việc mở rộng, nâng cấp chức năng của hệ thống dễ dàng thực hiện nhanh chóng, tiết kiệm chi phí.
- ✓ Các công nghệ sử dụng đều là công nghệ nguồn mở, vì vậy tiết kiệm được chi phí mua sắm bản quyền trong quá trình phát triển cũng như vận hành hệ thống.
- ✓ Việc tổ chức hệ thống thành các lớp front-end, back-end riêng biệt giúp nâng cao khả năng bảo mật với việc triển khai hệ thống back-end ở vùng hạ tầng bảo mật cao, chỉ cho phép truy cập kết nối từ hệ thống front-end,...
- ✓ Phần mềm chạy trên môi trường mạng, giúp người dùng dễ dàng truy cập mọi lúc, mọi nơi.
- ✓ Mô hình cài đặt tập trung: dễ dàng quản trị, quản lý phiên bản, tiết kiệm nhân lực quản trị.

I.6. Thành quả đạt được

- ✓ “Hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện” đã đạt được giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam 2020 do Hội Truyền thông số Việt Nam – Bộ Thông tin và Truyền thông trao tặng vào ngày 18/10/2020
- ✓ Đã được triển khai và sử dụng hiệu quả tại các quận huyện của thành phố Đà Nẵng:
 - Quận Sơn Trà
 - Quận Thanh Khê
 - Quận Liên Chiểu
 - Quận Cẩm Lệ

II. ĐẶC TẢ PHẦN MỀM

Dựa trên các chức năng nghiệp vụ, hệ thống đã xây dựng nên ứng dụng phần mềm hỗ trợ các phòng ban chuyên môn thực hiện công việc quản lý nhà nước bao gồm:

II.1. Phòng Văn hóa Thông tin

1. Ứng dụng Quản lý các danh hiệu và mô hình văn hóa:

Được xây dựng để tổ chức, quản lý danh hiệu văn hóa, hỗ trợ cán bộ chấm điểm thẩm định các cơ quan trên địa quận/huyện đã đăng ký đạt danh hiệu văn hóa trong phạm vi đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa – văn minh đô thị”. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý danh hiệu văn hóa
- Quản lý thông tin đăng ký
- Quản lý bản kế hoạch
- Báo cáo

Danh sách Thông tin đăng ký

Chọn bản kế hoạch:

Kế hoạch năm 2020

STT	Tên Phường
1	Cơ Quan Đơn Vị Doanh Nghiệp
2	Phường
2.1	An Hải Bắc

Danh hiệu

STT	Tên	Tổng	Tổng số đạt danh hiệu	Tổng số đăng ký	
1	Chợ văn minh thương mại	1	1	1	® Đăng ký ✎ Chấm Điểm
2	Gia đình văn hóa	0			® Đăng ký ✎ Chấm Điểm
3	Phường đạt chuẩn văn minh đô thị	1	0	1	® Đăng ký ✎ Chấm Điểm
4	Tuyến đường văn minh đô thị	13	0	3	® Đăng ký ✎ Chấm Điểm
5	Tổ dân phố không rác	0			® Đăng ký ✎ Chấm Điểm
6	Tổ dân phố văn hóa	0			® Đăng ký ✎ Chấm Điểm

2.2 An Hải Tây

Hình 4: Danh sách đăng ký đạt danh hiệu văn hóa

Thẩm định danh hiệu					
STT	Danh hiệu				
1	Cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa				
2	Phường đạt chuẩn văn minh đô thị				
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Tổng số đạt	Tổng số đăng ký	Thao tác
1	An Hải Bắc	1	0	1	Thẩm định
2	Nại Hiền Đông	1		1	Thẩm định
3	Tuyến đường văn minh đô thị				
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Tổng số đạt	Tổng số đăng ký	Thao tác
1	An Hải Bắc	13	0	3	Thẩm định
2	An Hải Đông	3		3	Thẩm định
3	An Hải Tây	6	0	6	Thẩm định

Hình 5: Thẩm định danh hiệu

Báo cáo văn hóa thông tin		
Chọn bản kế hoạch	Kế hoạch 2021	
STT	Tổng Hợp Danh Hiệu	Hành động
1	Tổng hợp thông tin danh hiệu gia đình văn hóa và tổ dân phố văn hóa	Tải xuống
2	Tổng hợp thông tin danh hiệu tổ dân phố không rác, tuyến đường văn minh đô thị, chợ văn minh thương mại	Tải xuống
3	Tổng hợp thông tin danh hiệu phường văn minh đô thị	Tải xuống
4	Tổng hợp đăng ký đầu năm	Tải xuống
5	Báo cáo danh hiệu 3 năm, 5 năm	Tải xuống
6	Báo cáo chi tiết tổ dân phố 5 năm liền	Tải xuống
STT	Phụ Lục	Hành động
1	Phụ Lục danh hiệu tổ dân phố văn hóa	Tải xuống
2	Phụ Lục danh hiệu tổ dân phố không rác	Tải xuống
3	Phụ Lục danh hiệu cơ quan , đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	Tải xuống
4	Phụ Lục danh hiệu tuyến đường văn minh đô thị	Tải xuống

Hình 6: Báo cáo – tổng hợp danh hiệu văn hóa

2. Ứng dụng Quản lý thiết chế văn hóa:

Được xây dựng để quản lý thiết chế văn hóa trên địa bàn. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý cơ sở

Cơ sở								
☐	STT	Tên cơ sở	Thiết chế văn hóa	Kế hoạch đầu tư	Nguồn vốn phân bổ	Địa chỉ	Diện tích	Đơn vị
☐	1	Cơ sở xây dựng hai con voi	Nhà VH, Khu vui chơi, Phòng đọc sách	2015: 1.500.000.000, 2022: 12.121.212	2021: 123.123	524 mai văn huyện linh	10.202	Phường Tam Thuận
☐	2	Cơ sở kinh doanh thuốc lá	Khu TT, CV Vườn đạo, Khu vui chơi, Phòng truyền thống	2021: 500.000.000	2022: 300.000.000, 2021: 30.000.000	142 nguyễn văn linh	30.000	
☐	3	Phòng văn hóa văn nghệ khu phố 7	CV Vườn đạo, Khu vui chơi, Phòng đọc sách	2022: 123.123.123.123	2020: 123.123.123	khu phố 7	1.200	

Hình 7: Quản lý cơ sở thiết chế văn hóa

3. Ứng dụng Quản lý gia đình, bạo lực:

Được xây dựng để quản lý thông tin bạo lực gia đình trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý thông tin bạo lực gia đình
- Thống kê bạo lực gia đình

Thông tin bạo lực gia đình

Người gây bạo lực

Họ và tên (*)

Họ và tên

Tuổi (*)

Tuổi

Giới tính (*)

---Chon---

Phường (*)

---Chon---

Biện pháp

---Chon---

Nhóm cá nhân(*)

Người gây bạo lực

Nhóm gia đình

---Chon---

Năm (*)

2020

Quan hệ với nạn nhân (*)

Quan hệ với nạn nhân

Ghi chú

Ghi chú

Nạn nhân

Họ và tên (*)

Họ và tên

Tuổi (*)

Tuổi

Giới tính (*)

---Chon---

Phường (*)

---Chon---

Nhóm cá nhân(*)

Nạn nhân

Nhóm gia đình

---Chon---

Hình thức bạo lực gia đình

---Chon---

Năm (*)

2020

Hình 8: Thêm mới thông tin bạo lực gia đình

Thống kê bạo lực gia đình

Phường

---Chon---

Năm

Năm

Nhóm cá nhân

---Chon---

Nhóm gia đình

---Chon---

Từ ngày

---Chon---

Đến ngày

---Chon---

Q Tìm kiếm

Tải báo cáo

Làm mới

STT	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Phường	Nhóm cá nhân	nhóm gia đình	năm
1	Nguyễn T	Nữ	50	Phường Thanh Khê Đông	Nạn nhân		2019
2	Lê Trọng	Nam	53	Phường Thanh Khê Đông	Người gây bạo lực		2019
3	Nguyễn Thị H	Nữ	58	Phường Thanh Khê Đông	Nạn nhân		2019
4	Nguyễn B	Nam	58	Phường Thanh Khê Đông	Người gây bạo lực		2019

Hình 9: Thống kê bạo lực gia đình

4. Ứng dụng Quản lý dịch vụ văn hóa: kinh doanh karaoke, kinh doanh internet, kinh doanh in ấn/photocopy

Công ty Cổ phần Công nghệ Tâm Hợp Nhất (UNITECH)

8

Được xây dựng để quản lý thông tin, tình hình hoạt động kinh doanh các dịch vụ văn hóa như karaoke, internet, in ấn. Phần mềm được kết nối với phần mềm Một cửa để đồng bộ lưu trữ thông tin. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý cơ sở kinh doanh karaoke
- Quản lý cơ sở kinh doanh internet
- Quản lý cơ sở kinh doanh photocopy
- Đồng bộ hồ sơ một cửa

Cơ sở kinh doanh						
■	STT	Chủ cơ sở	Số Điện Thoại	Số Đăng ký kinh doanh	Số giấy phép kinh doanh	Loại hình kinh doanh
☐	1	Đặng Thị Mi		040014	96/GP-SVHTTDL	Karaoke
☐	2	Trương N		32B801	147/GP-SVHTTDL	Karaoke
☐	3	Đặng H		32B801	06/GP-SVHTT	Karaoke
☐	4	Không Gian Xưa – Chi nhánh Công ty TNHH TM&DV LM Miền Nam			154/GP-SVHTTDL	Karaoke
☐	5	Cty TNHH Khánh Quỳnh Phan Phúc		040058	29/GP-SVHTTDL	Karaoke
☐	6	Cty TNHH Khánh Quỳnh Phan Phúc		040058	16/GP-SVHTT	Karaoke
☐	7	Đặng Thị Minh		040014	21/GP-SVHTTDL	Karaoke

Hiện thị 10 Cơ sở kinh doanh Trang 1/3 « (1 2 3) »

Hình 10: Quản lý cơ sở kinh doanh karaoke

Cơ sở kinh doanh						
■	STT	Chủ cơ sở	Số Điện Thoại	Số Đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Loại hình kinh doanh
☐	1	Phạm Văn Q			3	Internet
☐	2	Đào Ngọc			15	Internet
☐	3	Nguyễn Thị M			16	Internet
☐	4	Nguyễn Thị B			27	Internet
☐	5	Lê Tấn			46	Internet
☐	6	Ngô Lê Kim			47	Internet
☐	7	Nguyễn Thị B			55	Internet

Hiện thị 10 Cơ sở kinh doanh Trang 1/11 « (1 2 3 4 5) »

Hình 11: Quản lý cơ sở kinh doanh internet

Cơ sở kinh doanh						
	STT	Chủ cơ sở	Số Điện Thoại	Số Đăng ký kinh doanh	Số kê khai	Loại hình kinh doanh
☐	1	Nguyễn Thị H	0909888			Photocopy
☐	2	Nguyễn Văn H	0987666			Photocopy
☐	3	Huỳnh Dung	0989449			Photocopy
☐	4	TRương Sơn H	09876			Photocopy
☐	5	Nguyễn Tường T	0909299			Photocopy

Hình 12: Quản lý cơ sở kinh doanh photocopy

Hồ Sơ Một Cửa						
STT	Chủ Hồ Sơ	Số Điện Thoại Chủ Hồ Sơ	Mã số biên nhận	Thủ tục	Cơ Quan Tiếp Nhận	Hành Động
1	Tạ Duy A		004911572000001	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND quận Thanh Khê	 Thêm hồ sơ ▾
2	Đỗ T		004911592000001	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND quận Thanh Khê	 Thêm hồ sơ ▾

Hình 13: Đồng bộ hồ sơ một cửa

5. Ứng dụng Quản lý văn hóa thể thao:

Được xây dựng để quản lý các hoạt động thể thao của từng phường/xã. Theo dõi, chấm điểm thi đua văn hóa thể thao của các phường/xã trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý chấm điểm, theo dõi hoạt động thể thao
- Báo cáo thi đua theo quý / năm

Bảng theo dõi

Phường (*)

Phường Chính Gián

X

▼

Quý (*)

Quý I

X

▼

Năm (*)

2019

X

▼

Lưu

Làm mới

Đóng

+

Điểm báo cáo

-

Điểm hoạt động

TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	THỜI GIAN	ĐIỂM	+ Thêm tiêu chuẩn
1	Tham dự Việt dã - chạy vũ trang	Quận	02/12/2019	300	+ Thêm Sửa Xóa
	Vi phạm VĐV nữ việt dã			-150	Sửa Xóa
	01 HCB cá nhân nam			40	Sửa Xóa
2	Tham dự giải Cờ tướng - cờ vua	Quận	02/12/2019	200	+ Thêm Sửa Xóa
	01 HCV đồng đội nam cờ vua			80	Sửa Xóa
	01 HCB đồng đội nam cờ tướng			50	Sửa Xóa
	Nhất toàn đoàn			300	Sửa Xóa
3	Tham dự Lễ hội Cầu ngư	Quận	02/12/2019	300	+ Thêm Sửa Xóa
	01 HCB đồng đội			100	Sửa Xóa
Tổng điểm				1220	

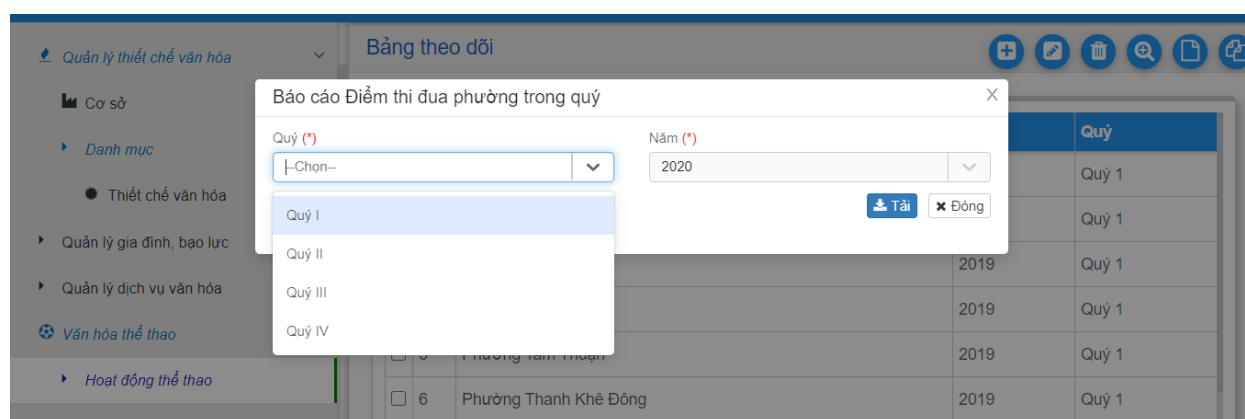
Hình 14: Bảng theo dõi chấm điểm thi đua

Hoạt động thể thao					
STT	Mã ID	Tên ID	Đơn vị tổ chức	Thời gian	
☐	1	HD1	Tham dự Việt dã - chạy vũ trang	Quận	
☐	2	HD2	Tham dự giải Cờ tướng - cờ vua	Quận	
☐	3	HD3	Tham dự Lễ hội Cầu ngư	Quận	
☐	4	MD4	Tổ chức Cờ tướng, cờ vua	Phường	
☐	5	MD5	Tổ chức giải Bóng đá	Phường	
☐	6	MD6	Đóng góp 02 VĐV Việt dã	Thành phố	
☐	7	MD7	Tổ chức Ngày chạy Olympic	Phường	
☐	8	MD8	Đóng góp 01 VĐV Việt dã	Thành phố	

Hiện thị 10 Hoạt động thể thao

Trang 1/1
 «
 (
 1
)
 »

Hình 15: Quản lý thông tin tổ chức các hoạt động thể thao



Hình 16: Báo cáo thi đua các phường theo quý

II.2. Phòng Y tế

1. Ứng dụng Quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:

Được xây dựng để quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn quận/huyện. Quản lý thông tin kiểm tra thực hiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh. Phần mềm được kết nối với phần mềm Một cửa để đồng bộ lưu trữ thông tin. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý cơ sở kinh doanh do Quận/Huyện quản lý
- Quản lý cơ sở kinh doanh do Phường/Xã quản lý
- Thống kê
- Báo cáo

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống									
STT	Tên cơ sở	Tên chủ	Số điện thoại	Giấy phép ĐKKD		Giấy chứng nhận VSATTP			
				Số giấy phép	Ngày cấp	Số giấy phép	Ngày cấp	Ngày hết hạn	
491	QUÁN HẢI	Nguyễn H		32C8008266	14/02/2017	32/2020/ATTP-CNDK	17/03/2020	17/03/2023	Còn hạn
492	PHIN COFFEE HOUSE	Lê Thị Kiều		32C8011819	17/02/2020	37/2020/ATTP-CNDK	20/05/2020	20/05/2023	Còn hạn
493	BÀ CƯỜNG	Trần Trung		32C8006049	07/03/2018	41/2020/ATTP-CNDK	27/05/2020	27/05/2023	Còn hạn
494	ANH COFFEE	Nguyễn Thị Thu		32C8012153	10/06/2020	50/2020/ATTP-CNDK	29/06/2020	29/06/2023	Còn hạn
495	TIỆM TRÀ	Đặng Lê Thanh		32C8012258	25/06/2020	59/2020/ATTP-CNDK	21/07/2020	21/07/2023	Còn hạn

Hình 17: Quản lý cơ sở kinh doanh ăn uống thuộc Quận/Huyện quản lý

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống - Phường quản lý								
☐	STT	Tên cơ sở	Tên chủ	Số điện thoại	CMND/Hộ chiếu	Phường	Loại hình cơ sở kinh doanh	Địa chỉ thường
☐	1	Cà Phê NCC	Võ Văn Đ			Phường An Hải Bắc	Quán ăn không ĐKKD	
☐	2	Xôi Gà, Đồ ăn vặt	Nguyễn Ki			Phường An Hải Bắc	Quán ăn không ĐKKD	
☐	3	Phở	Lê Thị			Phường An Hải Bắc	Quán ăn không ĐKKD	
☐	4	Cơm	Từ Ngọc			Phường An Hải Bắc	Quán ăn không ĐKKD	
☐	5	Cà phê Min	Nguyễn Thị A			Phường An Hải Bắc	Quán ăn không ĐKKD	
☐	6	Bánh Canh	Trần Thị N			Phường An Hải Bắc	Quán ăn không ĐKKD	
			Hoàng thi			Phường An		

Hiện thị 10 Cơ sở kinh doanh Trang 1/99 « < 1 2 3 4 5 > »

Hình 18: Quản lý cơ sở kinh doanh ăn uống thuộc Phường/Xã quản lý

Thống kê							
Từ ngày ---Chọn---	Đến ngày ---Chọn---	Quý --- Quý ---	Phường --- Phường ---	Giấy phép ĐKKD Giấy phép ĐKKD	Giấy chứng nhận VSATTP Chứng nhận VSATTP	Hình thức quản lý/Loại hình cơ sở Quản quản lý	Từ ngày ---Chọn---
Ngành nghề Ngành nghề kinh doanh	☐ Chỉ cơ sở đã kiểm tra	Đến ngày ---Chọn---	Thống kê Tải xuống Làm mới				

STT	Tên chủ	Tên cơ sở kinh doanh	Điện thoại	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ cơ sở	Số ĐKKD	Số chứng nhận VSATTP
421	Phan Ngọc T	NHÀ HÀNG PAPA'S			Lô 6-C1+7-C1 Phạm Văn Đồng		
422	Mai Đình	DƯƠNG THỦY			117 Phó Đức Chính		
423	Nguyễn Quang	QUÁN BÀ MAI			171 Trần Hưng Đạo		

Hình 19: Thống kê

Báo cáo

Báo cáo nhanh theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố về thực hiện Chương trình "Thành phố 4 an" đối với lĩnh vực ATTP

Từ ngày

03-12-2020

Đến ngày

---Chọn---

Tải xuống

Làm mới

Báo cáo số liệu về quản lý ATTP của phường

Từ ngày

03-12-2020

Đến ngày

---Chọn---

Hình thức quản lý

Quận quản lý

Tải xuống

Làm mới

Báo cáo số liệu công tác triển khai ATTP theo tháng:

Từ ngày

03-12-2020

Đến ngày

---Chọn---

Hình thức quản lý

Phường quản lý

Phường

Tải xuống

Làm mới

Hình 20: Báo cáo

Hồ Sơ Một Cửa

STT	Mã số biên nhận	Thủ tục	Cơ Quan Tiếp Nhận	Chủ Hồ Sơ	Số Điện Thoại Chủ Hồ Sơ	Hành Động
1	004911492000033	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	UBND quận Thanh Khê	Cao Văn		Thêm hồ sơ
2	004911492000032	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	UBND quận Thanh Khê	Thống Thị		Thêm hồ sơ
3	004911492000030	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	UBND quận Thanh Khê	Ông Quốc		Thêm hồ sơ

Hiển thị 10 Hồ sơ một cửa

Trang 1/34

«

<

1

2

3

4

5

>

»

Hình 21: Đồng bộ hồ sơ một cửa

2. Ứng dụng Quản lý thông tin dịch bệnh

Công ty Cổ phần Công nghệ Tâm Hợp Nhất (UNITECH)

14

Được xây dựng để quản lý thông tin tình hình dịch bệnh, thông tin xử lý các ổ dịch bệnh trên địa bàn Quận/Huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý thông tin dịch bệnh
- Quản lý ổ dịch bệnh
- Thống kê báo cáo

Tình hình dịch bệnh								
■	STT	Tên bệnh dịch	Địa phương	Ngày ghi nhận	Bệnh nhân			
					Mã bệnh nhân	Tên bệnh nhân	Tuổi	Giới tính
☐	1	covid-19-new	Tổ 2 - Phường Xuân Hà	30/11/2020	BN0001	Nguyễn Thanh	23	Nam
☐	2	Sởi - Quai Bị 2	Tổ 2 - Phường Xuân Hà	21/10/2020	BN0001	Trần Bảo N.	23	Nam
☐	3	covid-19-new	Tổ 2 - Phường Xuân Hà	09/10/2020	BN0002	Lê M	26	Nam
☐	4	covid-19-new	Tổ 2 - Phường Xuân Hà	19/09/2020	BN0001	Nguyễn Thanh	23	Nam
☐	5	Tay chân miệng	tổ 1 - Phường An Khê	19/09/2020	BN0001	Lê Văn	23	Nam
☐	6	Sởi - Quai Bị 1	tổ 1 - Phường An Khê	19/09/2020	HUYTD	Trương Đức H	30	Nam
☐	7	covid-19-new	Tổ 2 - Phường Xuân	19/09/2020	BN0001	Nauyễn Test	23	Nam

Hiện thị 10 Thông tin dịch bệnh Trang 1/2 « < 1 2 > »

Hình 22: Quản lý tình hình dịch bệnh

Ổ dịch bệnh							
■	STT	Mã ổ dịch	Tên ổ dịch	Bệnh dịch	Địa phương	Ngày xử lý lần 1	Ngày xử lý lần 2
☐	1	THUYDAU-xuanha	Thủy đậu	Thủy đậu (Đầu mùa)	Phường Xuân Hà	12/11/2020	14/11/2020
☐	2	OD123	Tay chân miệng	Tay chân miệng	Phường Xuân Hà	02/08/2020	13/08/2020
☐	3	CV11	covid-11	Tên dịch bệnh abcde	Phường An Khê	12/08/2020	19/08/2020
☐	4	CV	covid-19+	Tên dịch bệnh abcde	Phường An Khê	17/08/2020	19/08/2020
☐	5	OD	Ổ dịch	Sốt xuất huyết 123	Phường Xuân Hà	10/08/2020	10/08/2020
☐	6	COVI	covid-19	covid-19-new	Phường Thọ Quang	01/08/2020	31/08/2020
				Cúm gia cầm	Phường Thọ		

Hiện thị 10 Ổ dịch bệnh Trang 1/2 « < 1 2 > »

Hình 23: Quản lý ổ dịch bệnh

3. Ứng dụng Quản lý hành nghề Y - Dược tư nhân – Thẩm mỹ - Mỹ phẩm
Được xây dựng để quản lý thông tin các cơ sở hành nghề dược, y học cổ truyền, thẩm mỹ - mỹ phẩm trên địa bàn Quận/Huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý hành nghề dược
- Quản lý hành nghề Y – Y học cổ truyền
- Quản lý hành nghề thẩm mỹ - mỹ phẩm
- Thống kê – Báo cáo

Quản lý hành nghề Y - Y học cổ truyền

☐	STT	Mã cơ sở	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngày thành lập	Người phụ trách	Số điện thoại	Văn bằng
☐	1	TMVQT	Thẩm mỹ viện quốc tế Linh Sang	Hà Tông Quyền - Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng	26/11/2019	Nguyễn Thị		Thạc sĩ
☐	2	CSHNY	Cơ sở hành nghề Y Tâm Thức	18 Điện Biên Phủ - Phường Thạc Gián - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng	27/10/2020	Tâm		Thạc sĩ

Hiển thị 10 Cơ sở

Trang 1/1

Hình 24: Quản lý hành nghề y – y học cổ truyền

Thống kê báo cáo

Từ ngày: Đến ngày:

Loại cơ sở: Quận/Huyện: Xã/Phường:

STT	Mã cơ sở	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngày thành lập	Người phụ trách	Số điện thoại	Văn bản
1	TMVQT	Thăm mỹ viện quốc tế Linh	Hà Tông Quyền - Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng	26/11/2019	Nguyễn Thị		Thạc sĩ
2	CSHNY	Cơ sở hành nghề Y Tâm	18 Điện Biên Phủ - Phường Thạc Gián - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng	27/10/2020	Tâm		Thạc sĩ
3	CS-Ngoc	Cơ sở Ngọc	2 - Phường Thạc Gián - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng	13/11/2020	Ngọc		Thạc sĩ

Hình 25: Thống kê – báo cáo

II.3. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

1. Ứng dụng Quản lý các đối tượng liên quan đến ma túy

Được xây dựng để quản lý thông tin về các đối tượng liên quan đến ma túy trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý đối tượng nghiện
- Báo cáo

Đối tượng nghiện

Danh sách đối tượng:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Hành động
1	Vy Đức	1992	Nam	47 Phạm Văn Đồng - Thị trấn Sơn Hà - Tỉnh Quảng Nam	Đối tượng đưa đi cai nghiện
2	Nguyễn Thanh	2005	Nam	11 HNB - Phường Hòa Hiệp Liên Chiểu - Thành phố Đà Nẵng	Đối tượng quản lý sau cai
3	Trần Hoàng	2020	Nam	02 Quang Trung - Phường Ba Đình - Thành phố Hà Nội	Đối tượng điều trị bằng Methadone
4	Huỳnh Hiền	1993	Nữ	11 Lê Duẩn - Phường Thái Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng	Đối tượng nghiện bỏ đi nơi khác

Hình 26: Quản lý đối tượng nghiện – theo loại đối tượng

Báo cáo

Báo cáo đối tượng nghiện

TỔNG HỢP THÔNG KÊ TÌNH HÌNH CAI NGHIỆN VÀ QUẢN LÝ SAU CAI

Từ ngày (*) Đến ngày

DANH SÁCH NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY CAI NGHIỆN TẠI GIA ĐÌNH - CỘNG ĐỒNG

Từ ngày (*) Đến ngày

Hình 27: Báo cáo

2. Ứng dụng Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội

Được xây dựng để quản lý thông tin hưởng trợ cấp của các đối tượng theo các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Quản lý thông tin, tình trạng chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách BTXH. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý chính sách trợ giúp xã hội
- Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội – hồ sơ hưởng trợ cấp BTXH
- Quản lý thông tin chi trả
- Quản lý hỗ trợ mai táng phí
- Quản lý trợ cấp đột xuất
- Báo cáo

Chính sách

	STT	Mã	Tên	Mức hưởng	Tháng hưởng	Tháng chi trả	Trạng thái	Thao tác
	1	nggidinh136	Nghị định 136	400.000	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12	Còn hiệu lực	Thao tác

Hiển thị

10

Chính sách

Trang 1/1

1

Hình 28: Quản lý chính sách

Đối tượng bảo trợ xã hội							
STT	Mã	Họ tên	Ngày sinh	Chứng minh nhân dân	Dân tộc	Hình thức hưởng trợ cấp	Địa chỉ thường trú
1	2345	Bach Văn T	03-02-1995		Kinh	Không	tổ Tổ 1, phường An Hải Bắc
2	3123123	Lê Huỳnh P	29-02-2004		Kinh	Không	, tổ Tổ 1, phường An Hải Bắc
3	20272tr	Nguyễn Trục	31-03-2018		Kinh	Có	916 Nguyễn Lương bằng, tổ Tổ 3, phường Thọ Quang
4	DT12	Phan văn Q	2009		kinh	Có	phường An Hải Bắc

Hiện thị 10 Đối tượng bảo trợ xã hội Trang 1/1

Hình 29: Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội

Hồ sơ bảo trợ xã hội							
STT	Đối tượng	Loại đối tượng	Hệ số	Số tiền hưởng	Người được nuôi dưỡng	Số quyết định hưởng	Ngày bắt đầu kỳ quyết định hưởng
1	Bach Văn T	Người khuyết tật đặc biệt nặng	3	1,560,000		33/QĐ-UBND	31-03-2019
2	Lê Huỳnh T	Trẻ em từ 4 đến 16 tuổi	2.5	1,560,000		135/QĐ-UBND	01-04-2019
3	Phan văn Q	Trẻ em từ 04 tuổi trở lên	1.5	1,560,000		121/QĐ-UBND	01-04-2019

Hiện thị 10 Hồ sơ bảo trợ xã hội Trang 1/1

Hình 30: Quản lý hồ sơ bảo trợ xã hội

Kỳ chi trả						
STT	Mã	Tháng	Năm	Ngày mở kỳ chi trả	Ngày đóng kỳ chi trả	Trạng thái
1	ky1-2019	3	2019	01/03/2019	31/03/2019	Đang mở kỳ
2	ky2-2019	4	2019	01/04/2019	30/04/2019	Đang mở kỳ
3	ky3-2019	5	2019	01/05/2019	31/05/2019	Đang mở kỳ

Hiện thị 10 Kỳ chi trả Trang 1/1

Hình 31: Quản lý kỳ chi trả trợ cấp BTXH

Chi trả trợ cấp

STT	Chính sách	Kỳ chi trả	Tên phường	Tổng tiền	Ngày tạo	Người tạo	Xuất danh sách
1	Nghị định 600	4/2019	An Hải Bắc	5,201,058,000,000	13:29:52:29/03/2019	Long	Xuất danh sách
2	Nghị định 600	3/2019	An Hải Bắc	5,202,619,800,000	14:17:23:29/03/2019	Long	Xuất danh sách
3	134/NQ-HĐND	3/2019	An Hải Bắc	13,355,000	14:54:21:16/04/2019	Long	Xuất danh sách

Hiện thị 10 Chi Trả Trợ Cấp Trang 1/1

Hình 32: Quản lý danh sách – trạng thái chi trả trợ cấp

Chi tiết chi trả trợ cấp

Họ tên đối tượng: Loại đối tượng: Phường:

[Tìm kiếm](#) [Làm mới](#) [Cập nhật bằng file](#) [Cập nhật](#)

STT	Đối tượng	Kỳ chi trả	Chính sách	Loại đối tượng	Số tiền hưởng	Số tháng truy lĩnh
1	Lê Thị Khả	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng người cao tuổi từ 95 đến 99 tuổi	350,000	0
2	Huỳnh Thị Tinh	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng người cao tuổi từ 100 tuổi trở lên	525,000	0
3	Nguyễn Văn Diện	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng người cao tuổi từ 95 đến 99 tuổi	350,000	0
4	Hoàng Ngọc Thảo	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng khuyết tật nặng	525,000	0

Hình 33: Chi tiết chi trả trợ cấp

Chi tiết chi trả trợ cấp

Họ tên đối tượng: Loại đối tượng: Phường:

[Tìm kiếm](#) [Làm mới](#) [Cập nhật bằng file](#) [Cập nhật](#)

STT	Đối tượng	Kỳ chi trả	Chính sách	Loại đối tượng	Số tiền hưởng	Số tháng truy lĩnh
1	Lê Thị K	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng người cao tuổi từ 95 đến 99 tuổi	350,000	0
2	Huỳnh Thị T	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng người cao tuổi từ 100 tuổi trở lên	525,000	0
3	Nguyễn Văn D	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng người cao tuổi từ 95 đến 99 tuổi	350,000	0
4	Hoàng Ngọc T	08/2019	Quyết định 134	Đối tượng khuyết tật nặng	525,000	0

Hình 34: Báo cáo thống kê danh sách nhận tiền trợ cấp BTXH

3. Ứng dụng Quản lý người có công

Được xây dựng để quản lý thông tin, các chính sách hỗ trợ đi kèm cho đối tượng là người có công. Phần mềm được kết nối với phần mềm Một cửa để đồng bộ lưu trữ thông tin. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý danh sách người có công

- Quản lý kế hoạch cấp thẻ BHYT
- Quản lý kế hoạch sửa chữa nhà
- Quản lý kế hoạch điều dưỡng
- Thống kê – báo cáo
- Hồ sơ một cửa

Người có công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Địa chỉ	Xã/Phường	Số CMND	Đối tượng	Số điện thoại	Ngày
1	Hoàng Minh Tì	29-10-1956	Nam	7/1 Tam Thuận Tây - Phường Tam Thuận	Phường Tam Thuận		Đối tượng hỗ trợ thời chống Pháp		01-1
2	Hoàng ngọc	01-11-1950	Nữ	11 an Khê 2 - Phường Tam Thuận	Phường Tam Thuận		Đối tượng cán bộ cấp cao		
3	Huỳnh Thị M	03-11-1953	Nữ	12/01b Hà Tam2 - Phường Tam Thuận	Phường Tam Thuận		Đối tượng cán bộ cấp cao		01-1
4	Nguyễn Minh T	15-11-1973	Nam	17b Tam Thanh - Phường Tam Thuận	Phường Tam Thuận		Đối tượng hỗ trợ thời chống Mỹ		26-1
5	SonMV	07-10-2020	Nam	850 Phan Thanh - Phường Thanh Khê	Phường Thanh Khê		Đối tượng hỗ trợ thời chống		

Hiển thị 10 Người có công Trang 1/1

Hình 35: Quản lý danh sách người có công

Quản lý kế hoạch sửa chữa nhà

STT	Thực trạng nhà ở	Mức hỗ trợ xây dựng	Mức hỗ trợ sửa chữa	Khảo sát	Kế hoạch năm	Trạng thái
1	Nhà hư hại sau bão	2,000,000	2,000,000	Đã khảo sát	2020	Chờ hỗ trợ
2	Nhà hư hại sau bão	10,000,000	10,000,000	Đã khảo sát	2020	Đã hỗ trợ

Hiển thị 10 Kế hoạch sửa chữa nhà Trang 1/1

Hình 36: Quản lý kế hoạch sửa chữa nhà cho người có công

Hồ Sơ Một Cửa						
STT	Mã số biên nhận	Thủ tục	Cơ Quan Tiếp Nhận	Chủ Hồ Sơ	Số Điện Thoại Chủ Hồ Sơ	Hành Động
1	004911102000001	Đề nghị trợ giúp xã hội đột xuất (hỗ trợ lương thực cho hộ gia đình thiếu lương thực, hỗ trợ người bị thương nặng)	UBND quận Thanh Khê	Nguyễn Thị Thủy		Thêm hồ sơ
2	004911992000055	Thẩm định thang lương, bảng lương cho doanh nghiệp	UBND quận Thanh Khê	TRẦN THỊ LINH		Thêm hồ sơ
3	004911112000116	Đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP	UBND quận Thanh Khê	Đặng Thị H		Thêm hồ sơ

Hiện thị 10 Hồ sơ một cửa Trang 1/84

Hình 37: Hồ sơ một cửa

Báo cáo & Thống kê Người có công

Xã phường:

Xã phường

Từ ngày:

—Chọn—

Đối tượng:

Đối tượng

Đến ngày:

—Chọn—

Thống kê

Tải xuống

Làm mới

STT	Họ và tên	Số CMND	Ngày sinh	Giới tính	Địa chỉ	Ngày đề xuất	Đối tượng	Hình thức quản lý
1	Huỳnh Thị M		03-11-1953	1	12/01b Hà Tam2 - Phường Tam Thuận	01-11-2012	Đối tượng cán bộ cấp cao	
2	Nguyễn Minh T		15-11-1973	0	17b Tam Thanh - Phường Tam Thuận	26-10-2020	Đối tượng hỗ trợ thời chống Mỹ	
3	Trần Thanh A		28-02-2013	0	12/01b Hà Tam - Phường Tam Thuận	01-11-2019	Đối tượng cán bộ cấp cao	
4	Hoàng Minh T		29-10-1956	0	7/1 Tam Thuận Tây - Phường Tam Thuận	01-11-2016	Đối tượng hỗ trợ thời chống Pháp	

- Quản lý đề xuất giải quyết lao động việc làm
- Quản lý kế hoạch hỗ trợ lao động việc làm
- Thống kê báo cáo

Lao động có việc làm

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số điện thoại	Địa chỉ
1	Phạm Thịnh	08/12/1999	Nam	0987656789	2/11 Tam Thuận - Phường Tam Thuận
2	Huỳnh B	29/10/2002	Nam	0983924321	1000 Tam Thuận - Phường Tam Thuận
3	Trần A	01/11/2005	Nam	0987654321	11/9 Tam Thuận - Phường Tam Thuận
4	Trần Hiền An	14/11/1999	Nữ	0981276531	1000 Trường - Phường Tam Thuận
5	Huỳnh Ngọc Camay	02/11/2000	Nữ	0987654332	1b Hà Huy Tập - Phường Tam Thuận
6	Hồ Minh Hà	01/11/1990	Nữ	0987123432	1/2b minh thanh - Phường Tam Thuận
7	Trần Thanh An Ti	19/10/1989	Nam	0987656789	11/9 an Khê 2 - Phường Tam Thuận
8	hiếu 2	06/10/2020	Nam	1231231231	123123 - Phường Thanh Khê Tây
9	trần lý hùng	26/10/2020	Nam	01236521458	dong giang - Phường Chính Gián
10	hoàng văn xin	26/10/2020	Nam	1233455784	345 234asdasdad - Phường Tam Thuận

Hiển thị 10 Lao động có việc làm Trang 1/2

Hình 39: Quản lý người lao động

Kế hoạch lao động có việc làm

STT	Tên kế hoạch	Kỳ	Địa bàn	Trạng thái phê duyệt	Danh sách đề xuất
1	Kế hoạch việc làm quý 4 - 2020	Quý 4	Phường Tam Thuận	Đã phê duyệt	Danh sách đề xuất
2	Kế hoạch hỗ trợ việc làm quý 3 - 2020	2020	Phường Thanh Khê Đông	Đã phê duyệt	Danh sách đề xuất

Hình 40: Quản lý kế hoạch giải quyết việc làm

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI QUYẾT LAO ĐỘNG VIỆC LÀM NĂM

TT	ĐƠN VỊ	KH GIAO	THỰC HIỆN				TỔNG CỘNG	Trong đó BĐXN	Đạt% KH
			ĐN	VỐN 120	VỐN XĐGN	HỘ CÁ THẺ			
01	An Hải Đông	670	128	13	151	394	686	9	102
02	An Hải Tây	675	103	11	186	384	684	8	101
03	An Hải Bắc	690	219	56	287	160	722	12	104
04	Phước Mỹ	660	114	12	395	152	673	11	102
05	Nại Hiền Đông	660	152	16	211	292	671	8	101
06	Mân Thái	620	224	17	218	175	634	11	102
07	Thọ Quang	725	296	32	317	117	762	12	105
	Tổng cộng	4700	1236	157	1765	1674	4832	71	103

Hình 41: Tổng hợp giải quyết lao động việc làm

5. Ứng dụng Quản lý đào tạo nghề miễn phí

Được xây dựng để quản lý danh sách, kế hoạch, đề xuất về việc đào tạo nghề miễn phí cho các đối tượng lao động trên địa bàn. Các chức năng bao gồm:

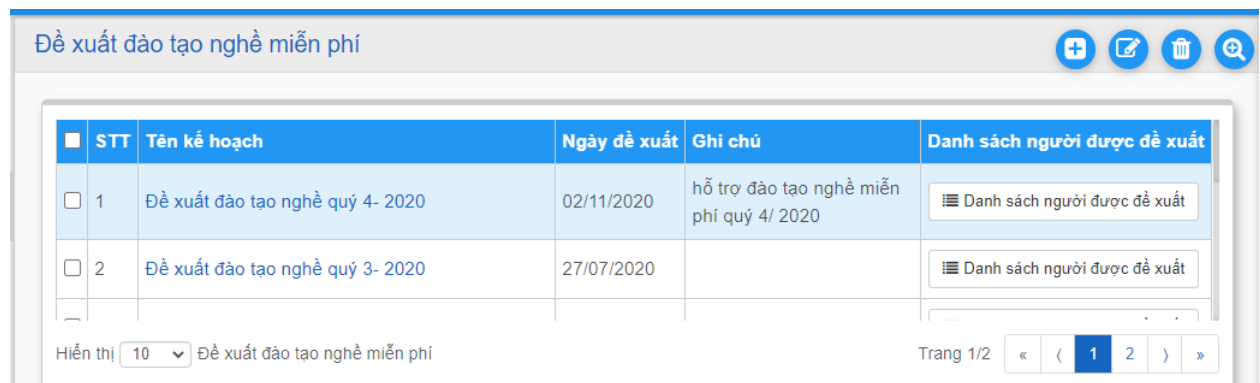
- Danh sách đào tạo nghề miễn phí
- Kế hoạch đào tạo nghề miễn phí
- Đề xuất đào tạo nghề miễn phí
- Thống kê báo cáo

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số điện thoại	Địa chỉ
1	Phạm Thịnh	08-12-1999	Nam		2/11 Tam Thuận - Phường Tam Thuận
2	Huỳnh B	29-10-2002	Nam		1000 Tam Thuận - Phường Tam Thuận
3	Trần A	01-11-2005	Nam		11/9 Tam Thuận - Phường Tam Thuận
4	Trần Hiền A	14-11-1999	Nữ		1000 Trường - Phường Tam Thuận
5	Huỳnh Ngọc	02-11-2000	Nữ		1b Hà Huy Tập - Phường Tam Thuận
6	Hộ Minh	01-11-1990	Nữ		1/2b minh thanh - Phường Tam Thuận
7	Trần Thanh An Ti	19-10-1989	Nam		11/9 an khê 2 - Phường Tam Thuận

Hình 42: Danh sách đào tạo nghề miễn phí

STT	Tên kế hoạch	Kỳ	Địa bàn	Trạng thái phê duyệt	Danh sách đề xuất
1	Kế hoạch đào tạo nghề quý 4 - 2020	2020	Phường Tam Thuận	Đã phê duyệt	Danh sách đề xuất
2	Kế hoạch đào tạo nghề quý 3 - 2020	2020	Phường Tam Thuận	Đã phê duyệt	Danh sách đề xuất

Hình 43: Kế hoạch đào tạo nghề miễn phí



Hình 44: Đề xuất đào tạo nghề miễn phí

6. Ứng dụng Quản lý công tác giảm nghèo

Được xây dựng để quản lý thông tin và các chính sách hỗ trợ cho đối tượng nghèo trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý danh sách
- Quản lý hỗ trợ tiền điện
- Quản lý hỗ trợ sửa chữa nhà ở
- Đề xuất giảm nghèo
- Quản lý miễn giảm học phí
- Thống kê báo cáo

II.4. Phòng Tài chính – Kế hoạch

1. Ứng dụng Quản lý thông tin đăng ký kinh doanh

Được xây dựng để quản lý thông tin đăng ký kinh doanh, đồng bộ thông tin với phần mềm một cửa để hỗ trợ chia sẻ dữ liệu cho các phòng ban liên quan. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý sổ bộ đăng ký kinh doanh
- Quản lý thông tin đề nghị kiểm tra mã số thuế
- Quản lý thông tin xác nhận và cấp mã số thuế
- Báo cáo thống kê

Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện

Quản lý đăng ký hộ kinh doanh

Trạng thái hồ sơ

Trạng thái hồ sơ:
Hồ sơ thêm mới giấy phép đăng ký kinh doanh

Thông tin hộ kinh doanh

Số giấy chứng nhận(!):
898989

Đồng bộ

Ngày đăng ký(!):
01/04/2019

x

Tên hộ kinh doanh (!):
Huỳnh Ngọc Tầm

Địa điểm kinh doanh (!):
Tỉnh/Thành phố (!):
Thành phố Đà Nẵng

x

v

Số điện thoại(!):
0905890178

Quận/Huyện (!):
Quận Sơn Trà

x

v

Số fax:
Số fax

Xã/Phường (!):
Phường An Hải Bắc

x

v

Email:
Email

Địa chỉ (!):
67 Ngô Quyền

Số ngành nghề kinh doanh (!):
Cà phê, nước giải khát

x

v

Số fax:
Số fax

Vốn kinh doanh
0

Website:
http://example.com

Số lượng lao động (!):
8

Thông tin hộ kinh doanh và thành viên góp vốn:

Đại diện hộ kinh doanh (!):
Huỳnh Ngọc Tầm

Giới tính (!):
Nam

v

Loại giấy tờ (!):
CMND

v

Nơi đăng ký thường trú (!):
Tỉnh/Thành phố (!):
Thành phố Đà Nẵng

x

v

Chỗ ở hiện tại (!):
Tỉnh/Thành phố (!):
Thành phố Đà Nẵng

x

v

Mã số thuế
Mã số thuế

Ngày sinh (!):
02/04/1980

x

Số giấy tờ (!):
201678131

Quận/Huyện (!):
Quận Sơn Trà

x

v

Quận/Huyện (!):
Quận Sơn Trà

x

v

Ngày cấp MST
DD/MM/YYYY

x

Dân tộc (!):
KINH

Ngày cấp (!):
01/04/2000

x

Xã/Phường (!):
Phường An Hải Bắc

x

v

Xã/Phường (!):
Phường An Hải Bắc

x

v

Quốc tịch (!):
Việt Nam

Nơi cấp (!):
Công An

Địa chỉ (!):
67 Ngô Quyền

Địa chỉ (!):
67 Ngô Quyền

Ghi chú

Ghi chú

Danh sách thành viên góp vốn

Thêm thành viên

STT	Tên thành viên	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký thường trú	Số CMND	Vốn (VNĐ)	Tỷ lệ	Ghi chú	
1	Huỳnh Ngọc Tầm	67 Ngô Quyền,	67 Ngô Quyền,	201678131	10.000.000	100.00	Ghi chú	Xóa

Lưu

Hủy

Hình 45: Đăng ký hộ kinh doanh

Đồng bộ

Từ ngày:
17/10/2019

x

Đến ngày:
18/10/2019

x

Trạng thái hồ sơ:
Chọn giá trị

v

Hủy

Đồng bộ

Hình 46: Đồng bộ hồ sơ một cửa

Công ty Cổ phần Công nghệ Tâm Hợp Nhất (UNITECH)

26

Đề nghị kiểm tra MST							
☐	STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Số điện thoại	Ngày gửi	Ghi chú
☐	1	NGUYỄN THỊ QUỲNH		066183000039		19/10/2019	Ghi chú Chưa xác nhận
☐	2	Leanhvu		:		19/10/2019	Ghi chú Chưa xác nhận

Hình 47: Đề nghị kiểm tra mã số thuế

II.5. Phòng Kinh tế

1. Ứng dụng Quản lý chợ

Được xây dựng để quản lý các chợ và các hộ kinh doanh trong chợ trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý chợ
- Quản lý hộ kinh doanh
- Báo cáo thống kê

Quản lý danh sách chợ				
☐	STT	Mã	Tên chợ	Quận Huyện/Xã Phường
☐	1	M1	Chợ Kỳ Đồng	Quận Thanh Khê/Phường Thanh Khê Tây
☐	2	CC	Chợ Cạn	Quận Hải Châu/Phường Thanh Khê Tây

Hình 48: Quản lý chợ

2. Ứng dụng Quản lý tàu cá

Được xây dựng để quản lý thông tin tàu cá trên địa bàn quận huyện, phần mềm được kết nối với hệ thống một cửa để đồng bộ và lưu trữ thông tin.

Các chức năng bao gồm:

- Quản lý tàu cá có chiều dài 15m trở lên
- Quản lý tàu cá có chiều dài từ 12m – dưới 15m
- Quản lý tàu cá có chiều dài từ 6m – dưới 12m
- Quản lý tàu cá có chiều dài từ dưới 6m và thùng máy
- Đồng bộ hồ sơ một cửa
- Báo cáo thống kê

Danh sách											
■	STT	Số đăng ký	Chủ tàu	Địa chỉ	Số TV	Công suất	Kích thước			Sức chở	Số giấy p
							LMax	BMax	D		
☐	1	27129	Nguyễn Văn T	- Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng		24	7.34	1.85	0.6		
☐	2	37077	Lê Văn Q	- Phường Thanh Khê Tây - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng		38	11	2.95	0.9		
☐	3	27045	Lê Nguyễn P	- Phường Thanh Khê Tây - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng		22	9	2.3	0.7		
☐	4	27053	Nguyễn Văn Xi	- Phường Thanh Khê Tây - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng		22	8	2	0.65		
☐	5	27124	Nguyễn Văn	- Phường Thanh Khê Đông - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng		24	10.9	2.7	0.8		

Hiển thị 10 Tàu cá Trang 1/2 « (1 2) »

Hình 49: Quản lý tàu cá

Báo cáo								
Ngày cấp giấy phép		Tháng cấp giấy phép		Năm cấp giấy phép		Quý cấp giấy phép		
--- Ngày ---		--- Tháng ---		--- Năm ---		--- Quý ---		
Quận/Huyện		Phường		Lmax: Từ		Đến		
--- Quận ---		--- Phường ---		Lmax từ		Lmax đến		
Ngày hết hạn đăng kiểm		Trạng thái đăng kiểm:						
---Chọn---		Trạng thái đăng kiểm						
Thống kê Tải xuống								
STT	Số đăng ký	Ngày đăng ký	Năm đóng	Chủ tàu	Địa chỉ	Số điện thoại	Số thuyền viên	Thuy
2	90906	14/04/2020		Trương Tấn Q	- Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng			
3	47050	02/07/2020		Nguyễn Văn H	- Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng			

Hình 50: Báo cáo thống kê

3. Ứng dụng Quản lý tổ đoàn kết

Được xây dựng để quản lý thông tin các tổ đoàn kết trên địa bàn quận/huyện và danh sách các tàu cá tham gia vào tổ. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý tổ đoàn kết và danh sách thành viên

STT	Tên tổ	Tổ trưởng	Địa chỉ
1	Ngô Quyền	Trần Ngọc T	100 Ngô Quyền - Phường Thọ Quang - Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
2	Thọ Quang	Nguyễn Văn K	01 yết kiêu - Phường Thọ Quang - Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng

Hiển thị 10 Tổ đoàn kết Trang 1/1

Hình 51: Quản lý tổ đoàn kết

4. Ứng dụng Quản lý an toàn thực phẩm: thuộc lĩnh vực Công thương và Nông nghiệp

Được xây dựng để quản lý thông tin và tình hình kiểm tra an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất/kinh doanh thực phẩm ngành Nông nghiệp và Công thương. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý an toàn thực phẩm ngành Công thương
- Quản lý an toàn thực phẩm ngành Nông nghiệp
- Kiểm tra ATTP – xem lịch sử kiểm tra
- Thống kê báo cáo

STT	Tên cơ sở	Tên chủ cơ sở	Địa chỉ thường trú	Địa điểm KD	Ngành nghề	Số ĐT liên lạc	Giấy c
1	Bùi Tấn Đ	Bùi Tấn Đ		K2-54 đường 11,25m KDC An Hòa, An Hải Bắc	Mua bán hải sản		2866
2	Bùi Thị Ánh	Bùi Thị Ánh		02 Phó Đức Chính	KD bún mì	:	10035
3	Bùi Thị Ngọc	Bùi Thị Ngọc		411B Ngô Quyền, AHB	Tạp hóa		
4	Châu Quang T	Châu Quang T		Tổ 32 (37 cũ), An Hải Bắc	Tạp hóa		
5	Đặng Thị G	Đặng Thị G		223 Nguyễn Công Trứ, An Hải Bắc	Tạp hóa		

Hiển thị 10 Công thương Trang 1/20

Hình 52: Quản lý danh sách



ng nghiệp và tiểu thủ công

Được xây dựng để quản lý thông tin cơ sở và thông tin

- Quản lý cơ sở sản xuất CN và TTCN

Quản lý công nghiệp - tiểu thủ CN

Thông tin hộ kinh doanh

Số giấy chứng nhận:

Ngày đăng ký:

Tên hộ kinh doanh:

Số điện thoại: Số fax:

Email: Website:

Địa chỉ:

Thông tin giấy phép kinh doanh

Số ĐKKD: (*) Họ và tên: (*) Số điện thoại: (*)

Ghi chú:

Hình 54: Quản lý công nghiệp và tiểu thủ CN

6. Ứng dụng Quản lý kinh doanh có điều kiện

Được xây dựng để quản lý các cơ sở kinh doanh các sản phẩm có điều kiện, phần mềm kết với hệ thống một cửa để đồng bộ và lưu trữ thông tin.

Các chức năng bao gồm:

- Quản lý cơ sở bán lẻ sản phẩm thuốc lá
- Quản lý cơ sở bán rượu tiêu dùng tại chỗ
- Quản lý cơ sở bán lẻ sản phẩm rượu
- Báo cáo thống kê
- Đồng bộ hồ sơ một cửa

7. Ứng dụng Quản lý kinh doanh gas

Được xây dựng để quản lý các cơ sở kinh doanh gas trên địa bàn. Quản lý thông tin kiểm tra các cơ sở theo quy định. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý cơ sở
- Quản lý thông tin kiểm tra
- Báo cáo thống kê

II.6. Phòng Quản lý đô thị

1. Ứng dụng Quản lý hạ tầng kỹ thuật

Được xây dựng để quản lý danh sách các tuyến đường và các thông tin liên quan đến các tuyến đường (như cây xanh, đèn chiếu sáng, cống thoát nước) trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý tuyến đường

- Quản lý thông tin chi tiết liên quan đến tuyến đường
- Báo cáo thống kê

Tuyến đường									
■	STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Bề rộng mặt đường	Loại mặt đường	Loại đường	Tỉnh/Thành phố
☐	1	Phục Đán	Dũng Sĩ Thanh Khê	Phan Phu Tiên	0.1	2.5			Đà Nẵng
☐	2	Hà Đông 3	Hà Đông 2	Khu dân cư	0.08	2			Đà Nẵng
☐	3	Hà Đông 2	Hà Đông 1	Khu dân cư	0.16	2			Đà Nẵng
☐	4	Hà Đông 1	Trần Cao Văn	Kỳ Đồng	0.16	4			Đà Nẵng
☐	5	Trần Thái Tông	Tường rào quân đội	Tường rào quân đội	0.79	1			Đà Nẵng
☐	6	Trần Cừ	Trần Xuân lê	Phản Lãng 20	0.29	4			Đà Nẵng
☐	7	Trần Can	Trần Xuân lê	Phản Lãng 19	0.29	4			Đà Nẵng

Hiện thị 10 Tuyến đường

Trang 1/13

« (1 2 3 4 5) »

Hình 55: Quản lý tuyến đường

II.7. Phòng Nội vụ

1. Ứng dụng Quản lý trật tự, đô thị xây dựng:

Được xây dựng để quản lý thông tin kiểm tra tình hình trật tự đô thị, xây dựng trên địa bàn. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý thông tin công trình xây dựng
- Quản lý thông tin kiểm tra tình hình trật tự đô thị
- Báo cáo thống kê

Trật tự đô thị

STT	Công trình/ Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Hành vi vi phạm	Kết quả xử lý			Kết quả theo dõi			Ghi chú	Phản thực hiện	
				QĐ XPVPHC số	Tổng số tiền XPVPHC	QĐ đình chỉ thi công	QĐ cưỡng chế số	Đã bổ sung GPXD	Đã tháo dỡ			Tồn tại
☐	1	Khách sạn An Phước	03 Phạm văn đồng	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	2	Nhà hàng Bé An	10 Phạm văn đồng	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	3	Khách sạn Phước An	20 Phạm văn đồng	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	4	Khách sạn Anh Phương	03 Trần Hưng Đạo	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	5	Nhà hàng hải sản quốc an	20 Trần Hưng Đạo	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	6	Khách sạn Bạch Mai	20 Trần Hưng Đạo	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	7	Khách sạn Anh Phương 4	03 Lý Thánh Tông	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	8	Khách sạn Hồng Phước	30 Lý Thánh Tông	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	9	Khách sạn Anh Phương 3	03 Đường An Mỹ	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	
☐	10	Khách sạn An Phước	30 Đường An Mỹ	Xây quá số tầng cho phép	Quyết định 145	4,000.000	Quyết định 143	Quyết định 142	K/O	Có	Không	

Hiện thị 10Trật tự đô thị

Trang 1/1

Hình 56: Quản lý trật tự đô thị

II.8. Phòng Nội vụ

1. Ứng dụng Quản lý thông tin hoạt động các cơ sở tôn giáo

Được xây dựng để quản lý thông tin hoạt động các cơ sở tôn giáo trên địa bàn. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý cơ sở tôn giáo
- Quản lý thông tin hoạt động của tôn giáo
- Báo cáo thống kê

2. Ứng dụng Quản lý tổ dân phố

Được xây dựng để quản lý tổ dân phố thuộc các phường trên địa bàn. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý tổ dân phố
- Báo cáo thống kê

II.9. Phòng Tư pháp

1. Ứng dụng Quản lý thông tin phổ biến giáo dục pháp luật

Được xây dựng để quản lý tình hình thực hiện công tác phổ biến pháp luật của các đơn vị đoàn thể trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý thực hiện công tác phổ biến pháp luật
- Tổng hợp tình hình thực hiện
- Báo cáo thống kê

2. Ứng dụng Quản lý chuẩn tiếp cận pháp luật

Được xây dựng để quản lý tình hình thực hiện các tiêu chí pháp luật của các phường/xã. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý chuẩn tiếp cận pháp luật
- Quản lý chấm điểm
- Báo cáo thống kê

ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA UBND 7 PHƯỜNG

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Hành vi vi phạm	Phường An Hải Đông		Phường An Hải Tây		Phường An Hải Bắc		Điểm tổng cộng
				Điểm số đánh giá	Điểm số thành viên HD đánh giá	Điểm số đánh giá	Điểm số thành viên HD đánh giá	Điểm số đánh giá	Điểm số thành viên HD đánh giá	
TIÊU CHÍ 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15	15	13	14	12	14	11	15	11
	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật.	4	4	3	4	3	4	3	3	3
	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao	3	3	2	3	2	3	2	3	3

Hiện thị 10 Trật tự đồ thị Trang 1/1

Hình 57: Quản lý bảng chấm điểm chuẩn tiếp cận pháp luật

II.10. Phòng Giáo dục – Đào tạo

1. Ứng dụng Quản lý văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở

Được xây dựng để quản lý văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở của các học sinh đã tốt nghiệp THCS trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý văn bằng tốt nghiệp
- Quản lý thông tin trường THCS
- Quản lý học sinh
- Báo cáo thống kê

TT	HOVATEN	LOP	GIOITINH	DANTOC	NGAYSINH	NOISINH	XEPLAI	SOBANG
1	PHAN THỊ HOÀI	9/1	Nữ	Kinh	21/01/2003	Đà Nẵng	Giỏi	0653
2	NGUYỄN NỮ HOÀNG	9/1	Nữ	Kinh	17/11/2003	Đà Nẵng	Giỏi	0654
3	NGUYỄN THỊ NGỌC	9/1	Nữ	Kinh	10/09/2003	Đà Nẵng	Khá	0655
4	NGUYỄN QUỐC	9/1	Nam	Kinh	11/01/2003	Hải Phòng	Trung bình	0656
5	LÊ TRẦN KHÁNH	9/1	Nam	Kinh	11/09/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0657
6	NGUYỄN THỊ MỸ	9/1	Nữ	Kinh	18/09/2003	Đà Nẵng	Giỏi	0658
7	NGUYỄN THỊ LINH	9/1	Nữ	Kinh	08/10/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0659
8	NGUYỄN VĂN	9/1	Nam	Kinh	08/10/2002	Đà Nẵng	Khá	0660
9	LÊ HOÀNG	9/1	Nam	Kinh	23/10/2003	Đà Nẵng	Khá	0661
10	THÁI HÀ NGUYỄN	9/1	Nữ	Kinh	11/12/2003	Đà Nẵng	Khá	0653
11	NGÔ THỊ MINH	9/1	Nữ	Kinh	22/10/2003	Đà Nẵng	Giỏi	0654
12	PHAN NGÔ HUY	9/1	Nam	Kinh	21/01/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0651
13	ĐÀO TẤN	9/1	Nam	Kinh	12/06/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0652
14	NGUYỄN ĐỨC QUỐC	9/1	Nam	Kinh	02/09/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0653
15	NGUYỄN TIẾN	9/1	Nam	Kinh	12/10/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0654
16	NGUYỄN ĐĂNG THẢO	9/1	Nữ	Kinh	28/02/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0655
17	PHẠM TẤN	9/1	Nam	Kinh	21/01/2003	Thừa Thiên Huế	Trung bình	0656
18	TRẦN LÊ HỒNG	9/1	Nữ	Kinh	17/11/2003	Đà Nẵng	Trung bình	0657
19	HUỶNH HOÀNG	9/1	Nam	Kinh	10/09/2003	Đà Nẵng	Khá	0658
20	NGUYỄN THẠCH THẢO	9/1	Nữ	Kinh	11/01/2003	Đà Nẵng	Khá	0659

Hình 58: Quản lý văn bằng tốt nghiệp THCS

2. Ứng dụng Quản lý học sinh (theo mã số định danh)

Được xây dựng để quản lý thông tin học sinh tiểu học và THCS trên địa bàn. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý học sinh
- Báo cáo thống kê

STT	Mã định danh	Họ	Tên	Địa chỉ thường trú	Chuyển đến	Chuyển đến	Học lực	Hạnh kiểm	Số điện thoại cha mẹ	Tên người giám hộ
1	0122222222	Trần	Văn L	32 Phạm văn đồng	Nguyễn khuyến	Nguyễn Hải	Khá	Khá	090250	Trần Văn L
1	0122222223	Nguyễn	Quang	132 Lý nhân tổng	Trường tiểu học Hai Bà Trưng	Trường tiểu học Ngô Gia Tự	Khá	Khá	09022	Nguyễn Văn
1	0122222224	Trần	Quang	32 Hà huy giáp	Trường tiểu học Hai Bà Trưng	Trường tiểu học Ngô Gia Tự	Khá	Khá	090250	Phạm Thị
1	0122222225	Nguyễn	Văn T	100 Phạm văn đồng	Trường tiểu học Hai Bà Trưng	Trường tiểu học Ngô Gia Tự	Khá	Khá	090250	Nguyễn Văn
1	0122222226	Trần	Văn S	1132 Phạm văn đồng	Trường tiểu học Hai Bà Trưng	Trường tiểu học Ngô Gia Tự	Khá	Khá	090250	Trần Văn P

Hình 59: Quản lý học sinh

II.11. Phòng Tài nguyên – Môi trường

1. Ứng dụng Quản lý kế hoạch sử dụng đất

Được xây dựng để quản lý kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý đăng ký sử dụng đất
- Quản lý kế hoạch sử dụng đất
- Báo cáo thống kê

2. Ứng dụng Quản lý chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường

Được xây dựng để quản lý thông tin kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các cơ sở trên địa bàn quận/huyện. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý kế hoạch kiểm tra
- Quản lý cơ sở
- Quản lý thông tin kiểm tra – lịch sử kiểm tra
- Báo cáo thống kê

II.12. Ban Quản lý chợ

1. Ứng dụng Quản lý chợ

Được xây dựng để quản lý, theo dõi, nắm bắt tình hình các chợ trên địa bàn như: thông tin thu phí, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý chợ
- Quản lý hộ kinh doanh trong và ngoài chợ
- Quản lý tình hình thu tại chợ
- Báo cáo thống kê

II.13. Hội đồng nhân dân

1. Ứng dụng Quản lý nội dung các chương trình giám sát hàng năm: Được xây dựng để quản lý nội dung các chương trình giám sát hàng năm của HĐND Huyện

Được xây dựng để quản lý thông tin tổng hợp tình hình thực hiện chương trình giám sát của các phòng ban. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý chương trình giám sát
- Quản lý báo cáo thực hiện chương trình
- Báo cáo thống kê

II.14. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Ứng dụng Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản (quản lý tình hình thực hiện dự án)

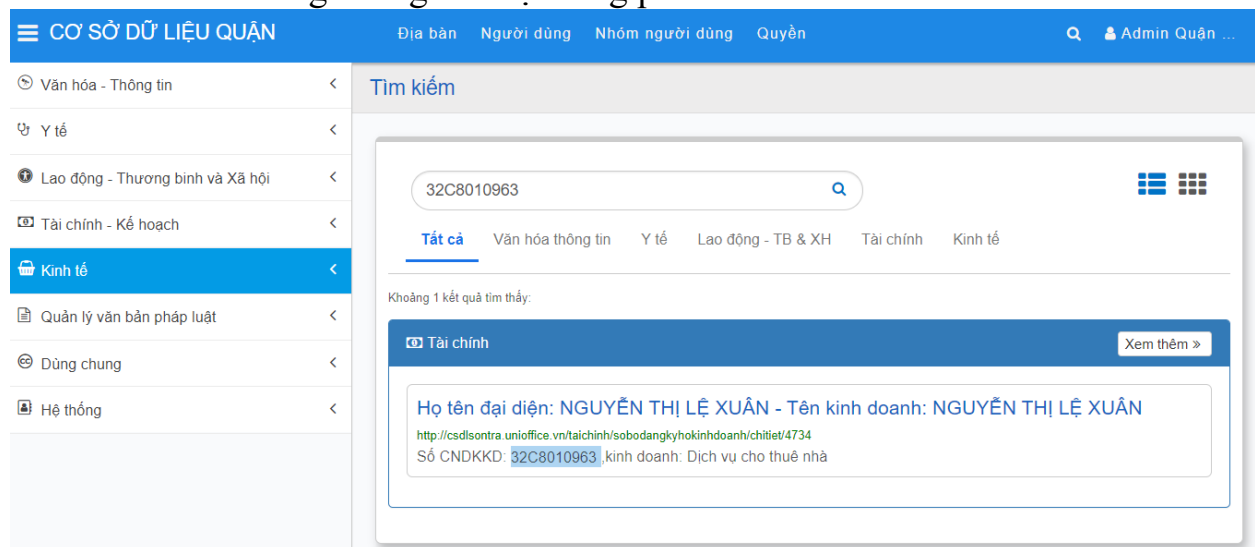
Được xây dựng để quản lý tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn, theo dõi cập nhật thông tin thanh toán của các nguồn vốn theo dự án. Các chức năng bao gồm:

- Quản lý nguồn vốn

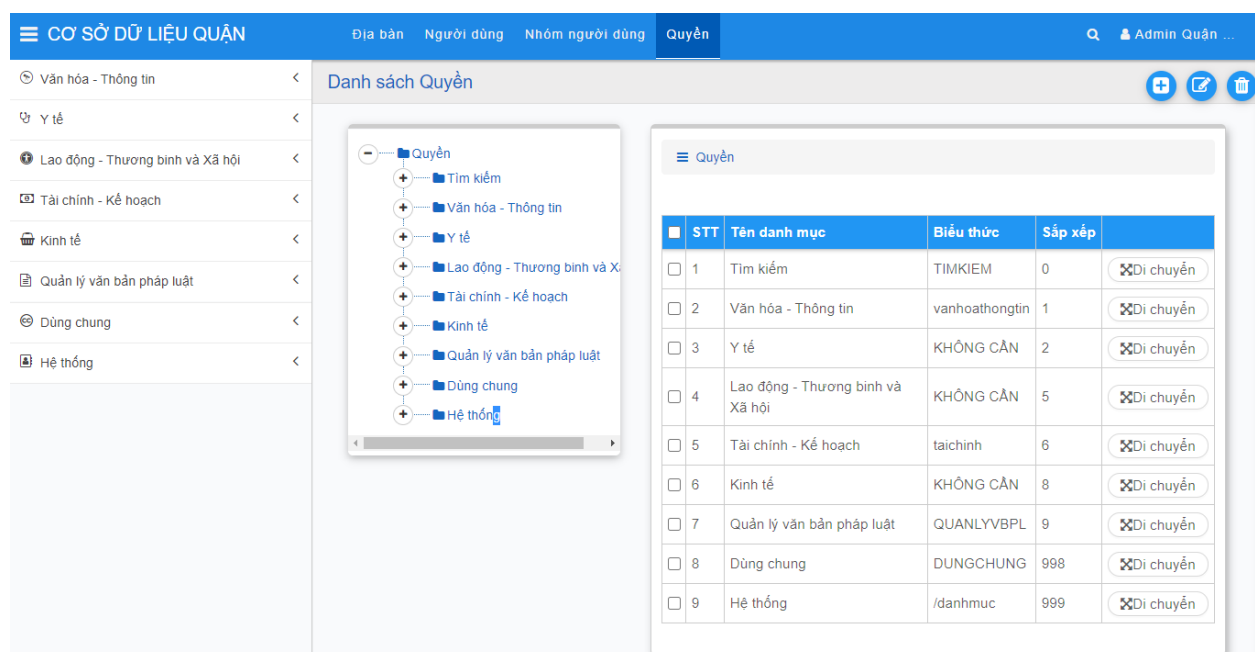
- Quản lý dự án
- Quản lý tình hình thanh toán
- Báo cáo thống kê

II.15. Quản trị hệ thống

Các chức năng chung của hệ thống phần mềm:



Hình 60: Giao diện tìm kiếm chung toàn cơ quan – liệt kê theo từng lĩnh vực



Hình 61: Quản trị chức năng hệ thống

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẬN | Địa bản | Người dùng | **Nhóm người dùng** | Quyền

Nhóm người dùng

Cập nhật nhóm

Mã nhóm(*) PK Tên nhóm(*) Phòng Kinh tế - Công thương

Thêm người dùng Lưu

Danh sách người dùng Xóa

☐	STT	Họ và tên	Tên đăng nhập	Email
☐	1	Cán bộ phòng kinh tế	cbpkt	cbpkt2019@gmail.com
☐	2	Chuyên viên phòng KT (công thương)	CV_KT_congthuong	cv-kt-congthuong@danang.gov

Hình 62: Quản trị nhóm người dùng (nhóm quyền)

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUẬN | Địa bản | Người dùng | Nhóm người dùng | **Quyền**

Phân quyền

☒ Bỏ chọn tất cả Lưu

☐ Tìm kiếm

☐ Tìm kiếm văn hóa thông tin ☐ Tìm kiếm Y tế ☐ Tìm kiếm lao động thương binh xã hội ☐ Tìm kiếm Tài Chính ☒ Tìm kiếm kinh tế

☐ Tìm kiếm Văn bản pháp luật

☒ Văn hóa - Thông tin ☐ Hiện thị +

☒ Y tế ☐ Hiện thị +

☒ Lao động - Thương binh và Xã hội ☐ Hiện thị +

☒ Tài chính - Kế hoạch ☐ Hiện thị +

☒ Kinh tế ☐ Hiện thị +

☒ Quản lý văn bản pháp luật ☐ Hiện thị +

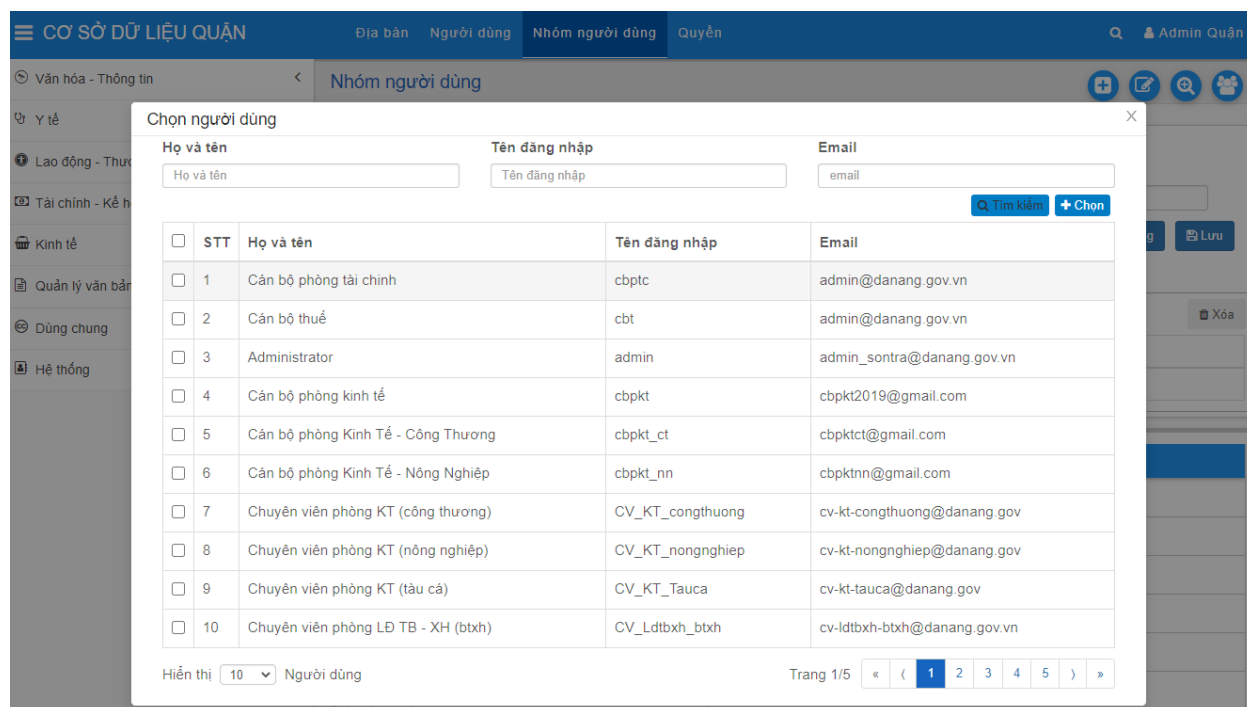
☒ Dừng chung ☐ Hiện thị +

☒ Hệ thống ☐ Hiện thị +

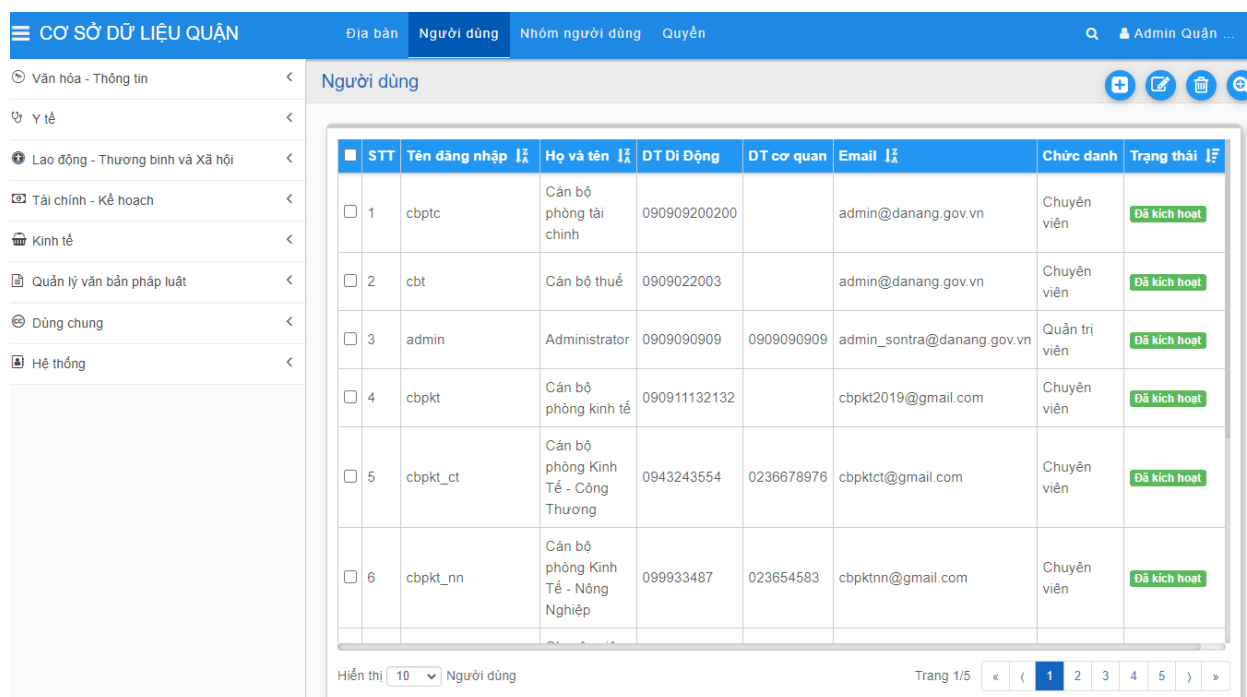
Lưu Đóng

Hình 63: Quản trị phân quyền chức năng truy cập theo nhóm người dùng

Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện



Hình 64: Quản trị phân quyền sử dụng cho người dùng theo nhóm quyền



Hình 65: Quản trị người dùng – tài khoản truy cập

Đồng bộ		
STT	Tên	Đồng bộ
1	Đơn vị hành chính	 Đồng bộ
2	Loại doanh nghiệp	 Đồng bộ
3	Loại đối tượng	 Đồng bộ
4	Quốc gia	 Đồng bộ
5	Trạng thái doanh nghiệp	 Đồng bộ

Hình 66: Đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống liên quan

III. GIỚI THIỆU VỀ UNITECH

✓ Tên doanh nghiệp:

Công ty cổ phần công nghệ Tâm Hợp Nhất (UNITECH)

✓ Trụ sở: Tầng 7, Công viên Phần mềm Đà Nẵng, Số 02 Quang Trung, Thành phố Đà Nẵng.

✓ Lĩnh vực hoạt động:

- Phát triển phần mềm (chính phủ, doanh nghiệp)
- Gia công phần mềm (Nhật, Mỹ, Châu Âu)
- Thiết kế, thi công các hệ thống mạng

✓ Nhân sự: 140 người

✓ Website: <http://www.unitech.vn>

✓ Điện thoại: 0236.3888747 Email: contact@unitech.vn

Liên hệ thông tin về phần mềm:

- Ông Sử Huy – Phó tổng giám đốc
- Email: huys@unitech.vn.
- Di động: 0914.044.922